BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **TỔNG CÔNG TY** **CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM-CTCP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/5/2018)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị công ty được xây dựng theo quy định của:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (gọi tắt là Luật doanh nghiệp),

- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 62/2010/QH12ngày 24/11/2010 (gọi tắt là Luật chứng khoán),

- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (gọi tắt là Nghị định 71),

- Thông tư 95/2017/TT-BTCngày 22/09/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71.

Quy chế này sẽ điều chỉnh các nội dung chủ yếu sau:

1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông;

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

3. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị;

4. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên;

5. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;

6. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp;

7. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc;

8. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.

Điều 2: Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

a. "Quản trị công ty": là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.

b. "Tổng công ty": là Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.

c. "Điều lệ": là Điều lệ Tổng công ty được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và đang có hiệu lực thi hành.

d. "Cổ đông": là cá nhân, tổ chức được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty với tư cách là người sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty.

đ. "Người có liên quan": là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 2 Luật doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.

e. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành": là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo Điều lệ.

g. "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị": là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 2 Điều 151 Luật Doanh Nghiệp.

h. "Người quản lý Tổng công ty": là các cá nhân được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông dự họp.

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải đảm bảo tất cả các cổ đông có quyền dự họp có mặt được đăng ký hết.

Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ.

Cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại Đại hội sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc và đại diện ủy quyền của mình là hợp lệ với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.

Trường hợp cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì cổ đông đó khi tham dự Đại hội không được nhận thẻ biểu quyết tại Đại hội nếu người được ủy quyền của họ đã làm thủ tục nhận thẻ biểu quyết.

Căn cứ kết quả kiểm tra tư cách dự họp của các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông, Ban tổ chức/Ban Kiểm tra tư cách cổ đông ghi nhận sự có mặt của cổ đông và phát cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có) và các tài liệu của Đại hội.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông được nhận thẻ biểu quyết cho từng nội dung dự kiến biểu quyết trong Đại hội, trên thẻ ghi số đăng ký, tên cổ đông, tên đại diện theo ủy quyền của cổ đông, tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông đó, nội dung biểu quyết "Tán thành" "Không tán thành" "Không có ý kiến". Thẻ biểu quyết có thể được lập theo màu để phân biệt nội dung biểu quyết.

Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện đánh dấu vào nội dung biểu quyết "Tán thành" "Không tán thành" "Không có ý kiến" trên Thẻ biểu quyết và biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng việc giơ Thẻ biểu quyết đối với từng vấn đề lấy biểu quyết. Trường hợp thẻ biểu quyết phân biệt theo màu tương ứng các nội dung biểu quyết, Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông giơ thẻ biểu quyết theo màu tương ứng các nội dung do mình biểu quyết.

Đối với từng vấn đề cần biểu quyết, Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến của Cổ đông theo trình tự: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến. Đối với từng vấn đề xin ý kiến biểu quyết, các cổ đông chỉ được giơ thẻ biểu quyết một lần. Ban tổ chức/Ban kiểm phiếu tiến hành thu các thẻ biểu quyết để kiểm phiếu.

Khi tiến hành biểu quyết, số thẻ tán thành được đếm trước, số thẻ không tán thành được đếm sau, số thẻ không có ý kiến được đếm sau cùng.

Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu

Để thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu, Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

Ban kiểm phiếu thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu, đếm, tổng hợp số phiếu biểu quyết theo từng vấn đề được biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết;
- Số phiếu hợp lệ, không hợp lệ;
- Tổng số phiếu tán thành và tỷ lệ so với tổng số phiếu biểu quyết;
- Tổng số phiếu không tán thành và tỷ lệ so với tổng số phiếu biểu quyết;
- Tổng số phiếu không có ý kiến và tỷ lệ so với tổng số phiếu biểu quyết;

Ban kiểm phiếu lập Biên bản kiểm phiếu, ghi nhận kết quả kiểm phiếu đối với từng vấn đề được lấy ý kiến tại Đại hội.

Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo trực tiếp tại Đại hội về kết quả kiểm phiếu đối với từng vấn đề được lấy ý kiến tại Đại hội.

Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Tổng công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Tổng công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 10. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Để ghi chép diễn biến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, dự thảo các văn kiện, kết luận của Đại hội, Chủ tọa Đại hội cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

2. Nội dung Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ.

Điều 11. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ và các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán.

Điều 12. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Việc thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Điều lệ.

CHƯƠNG III
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều lệ.

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị

1.Đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị: Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ.

2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Hội đồng Quản trị phải được gửi về cho Tổng công ty chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi Đại hội đồng cổ đông được tổ chức. Danh sách ứng viên được đề cử hoặc ứng cử vào Hội đồng quản trị (kèm theo lý lịch, thông tin) phải được đăng trên website của Tổng công ty và niêm yết công khai tại trụ sở chính của Tổng công ty, địa điểm nơi tổ chức Đại hội tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

3. Các ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 15. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ.

Điều 16. Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch.

Điều 17. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ.

Điều 18. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty.

CHƯƠNG IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị họp định kỳ mỗi quý ít nhất một lần hoặc họp bất thường theo quy định tại Điều lệ.

2. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể mời các cá nhân

khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị. Những người được mời có thể phát biểu ý kiến khi được chủ tọa yêu cầu, nhưng không được biểu quyết.

3. Quy định khác liên quan cuộc họp Hội đồng quản trị được quy địnhtại Điều lệ.

Điều 20.Thông báo họp Hội đồng quản trị

Việc thông báo mời họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ.

Điều 21. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều lệ.

Điều 22. Cách thức biểu quyết và thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Cách thức biểu quyết và thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ.

Điều 23. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản.

2. Việc ghi biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ.

Điều 24. Công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng Quản trị

Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Tổng công ty theo trình tự, các quy định của pháp luật về chứng khoán và Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty.

CHƯƠNG V

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ.

Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

Việc các cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên thực hiện theo quy định tại Điều lệ và thực hiện tương tự quy định tại Điều 14 Quy chế này.

Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Cách thức bầu Kiểm soát viên thực hiện theo quy định tại Điều lệ.

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được quy định tại Điều lệ.

Điều 29. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty.

CHƯƠNG VI
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thành lập Tiểu ban giám sát để thực hiện công tác giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Số lượng thành viên Tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định và cân nhắc tại từng thời điểm phù hợp, bao gồm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.

Tiểu ban làm việc theo nguyên tắc tập thể, đảm bảo tính khách quan, công khai, dân chủ và phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Tiêu chuẩn thành viên của Tiểu ban, Trưởng tiểu ban

1. Thành viên của Tiểu ban, Trưởng tiểu ban phải có kiến thức hoặc kinh nghiệm về lĩnh vực tiểu ban nhận phụ trách.

2. Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm một (01) thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm trưởng ban.

Điều 32. Trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên

1. Tiểu ban có chức năng tham mưu, tư vấn, giúp việc cho Hội đồng quản trị theo lĩnh vực được giao. Trưởng tiểu ban chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về toàn bộ công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tiểu ban.

2. Trưởng tiểu ban có trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động của Tiểu ban theo các nghị quyết, quyết định và chỉ đạo của Hội đồng quản trị và phù hợp với quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt.

3. Chủ động nghiên cứu các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Tiểu ban, đề xuất Hội đồng quản trị xem xét và quyết định; Tích cực phối hợp, tham gia ý kiến với các đơn vị thuộc Tổng công ty, hỗ trợ qua lại nhằm hoàn

thành các nhiệm vụ được giao.

4. Quản lý, sử dụng tài sản và nhân lực được giao để thực hiện công việc của đơn vị đảm bảo hiệu quả, chất lượng.

CHƯƠNG VII
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 33. Người điều hành

Người điều hành của Tổng công ty gồm:

- Tổng Giám đốc.
- Phó Tổng Giám đốc.
- Kế toán trưởng.

Điều 34. Các tiêu chuẩn của người điều hành

1. Tiêu chuẩn Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc:

Tiêu chuẩn Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ.

Áp dụng tiêu chuẩn chức danh Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ đối với Phó Tổng giám đốc.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng:

- Không thuộc các đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Luật Kế toán.
- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của Tổng công ty.
- Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên; Phải có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.
- Thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.
- Các tiêu chuẩn khác theo quy chế, quy định nội bộ Tổng công ty do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 35. Việc bổ nhiệm người điều hành Tổng công ty

Việc bổ nhiệm người điều hành Tổng công ty thực hiện theo Điều lệ và các quy định nội bộ được Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 36. Ký hợp đồng lao động với người điều hành

Việc ký hợp đồng lao động với người điều hành thực hiện theo các quy

định của pháp luật về lao động và các quy chế, quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành

Việc miễn nhiệm người điều hành Tổng công ty thực hiện theo quy định tại Điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành

Tổng công ty phải thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành trong nội bộ Tổng công ty và công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về Chứng khoán, Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty.

CHƯƠNG VIII
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc thống nhất và ban hành quy chế phối hợp hoạt động giữa các bên. Nội dung quy chế phải có các nội dung sau:

a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc;

b) Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc;

c) Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

đ) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc;

e) Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

g) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

CHƯƠNG IX

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY

Điều 40. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành Tổng công ty

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành khác của Tổng công ty.

2. Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng Kiểm soát viên.

Điều 41. Khen thưởng

Căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị đối với từng thành viên Hội đồng quản trị, người điều hànhTổng công ty và kết quả đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc khen thưởng theo đề xuất của Hội đồng quản trị.

Điều 42. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, người điều hànhTổng công ty không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành Tổng công ty khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Tổng công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Tổng công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 43. Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty.

Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị tùy từng thời điểm.

Điều 44. Tiêu chuẩn và điều kiện của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 46. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quy định.

Việc bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty không được trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 47: Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp Luật Chứng khoán.

CHƯƠNG XI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 48. Điều khoản thi hành

Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua ngày 04 tháng 5 năm 2018.

Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Tổng công ty, Hội đồng quản trị xem xét, quyết định và đưa ra xin ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh các hoạt động của Tổng công ty.

Điều 49. Hiệu lực

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0311638525-C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM-CTCP
Q.TÂN BÌNH-TP.HỒ CHÍ MINH

Lại Xuân Thanh

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG
Điều 1: Phạm vi điều chỉnh.....1
Điều 2: Giải thích từ ngữ.....2
CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....2
Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....2
Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;.....3
Điều 6. Cách thức bỏ phiếu.....3
Điều 7. Cách thức kiểm phiếu.....4
Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu.....4
Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....4
Điều 10. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....5
Điều 11. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....5
Điều 12. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....5
CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.....5
Điều 14. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị.....5
Điều 15. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị.....6
Điều 16. Bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....6
Điều 17. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị....6
Điều 18. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị6
CHƯƠNG IV: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Điều 19. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....6
Điều 20. Thông báo họp Hội đồng Quản trị.....7
Điều 21. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.....7
Điều 22. Cách thức biểu quyết và thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị....7
Điều 23. Biên bản họp Hội đồng Quản trị.....7
Điều 24. Công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng Quản trị.....7

CHƯƠNG V: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN
Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên 7
Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên 7
Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên 7
Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên 8
Điều 29. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên 8
CHƯƠNG VI: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 8
Điều 31. Tiêu chuẩn thành viên của Tiểu ban, Trưởng tiểu ban 8
Điều 32. Trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên 8
CHƯƠNG VII: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆMNGƯỜI ĐIỀU HÀNH
Điều 33. Người điều hành 9
Điều 34. Các tiêu chuẩn của người điều hành 9
Điều 35. Việc bổ nhiệm người điều hành Tổng công ty 9
Điều 36. Ký hợp đồng lao động với người điều hành 9
Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành 10
Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành 10
CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc 10
CHƯƠNG IX: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY
Điều 40. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành Tổng công ty 11
Điều 41. Khen thưởng 11
Điều 42. Xử lý vi phạm và kỷ luật 11
CHƯƠNG X: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY
Điều 43. Người phụ trách quản trị công ty 11
Điều 44. Tiêu chuẩn và điều kiện của Người phụ trách quản trị công ty 12

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty 12
Điều 46. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty 12
Điều 47: Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty 13
CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH
Điều 48. Điều khoản thi hành 13
Điều 49. Hiệu lực 13
MỤC LỤC 14